

Số: 3026/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 22 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài  
ngân sách tỉnh vay lại năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;*

*Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban thường kỳ ngày 18/10/2021 (Khoản 16, Thông báo số 471/TB-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 223/TTr-SKHĐT ngày 15/10/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài ngân sách tỉnh vay lại năm 2021 của các dự án ODA, dự án có sử dụng vốn vay nước năm 2021, với tổng số tiền: 57.883.000.000 đồng (*Năm mươi bảy tỷ, tám trăm tám mươi ba triệu đồng*), như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm lập thủ tục điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài ngân sách tỉnh vay lại và hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định.

2. Chủ đầu tư các dự án có tên tại Phụ lục chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài ngân sách tỉnh vay lại; đồng thời đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn còn lại theo đúng thời hạn quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ đầu tư các dự án có tên Phụ lục và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, KTN, KTTH, TH.

E:\Dropbox\Hai TH\Nam 2021\Đau tu cong\QD điều chỉnh giám kế hoạch von nước ngoài ngân sách tỉnh vay lại năm 2021 (TT 223).doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**




**Lê Trí Thanh**

**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	 Danh mục dự án	Mã dự án	Mã chương	Mã loại khóa	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2021			Kế hoạch năm 2021 điều chỉnh giảm (-)			Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
						Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:		
						Vốn nước ngoài			Vốn nước ngoài			Vốn nước ngoài		
						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
NSTW cấp phát	NS tính vay lại	NSTW cấp phát	NS tính vay lại	NSTW cấp phát	NS tính vay lại									
<b>I</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>					852.213	519.470	332.743	(57.883)	-	(57.883)	794.330	519.470	274.860
<b>I.1</b>	<b>Giao thông</b>					397.743	120.000	277.743	(42.883)		(42.883)	354.860	120.000	234.860
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch					397.743	120.000	277.743	(42.883)		(42.883)	354.860	120.000	234.860
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					397.743	120.000	277.743	(42.883)		(42.883)	354.860	120.000	234.860
1	Quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) - Hợp phần nâng cấp cải tạo và bảo trì đường địa phương	7593697	599	292	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	14.000	10.000	4.000	(1.509)		(1.509)	12.491	10.000	2.491
2	Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	7582908	599	292		157.143	110.000	47.143	(41.374)		(41.374)	115.769	110.000	5.769
3	Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	7678808	559	292		226.600		226.600	-			226.600	-	226.600
<b>I.2</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>					314.470	294.470	20.000	-		-	314.470	294.470	20.000
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch					314.470	294.470	20.000	-		-	314.470	294.470	20.000
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					314.470	294.470	20.000	-		-	314.470	294.470	20.000

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã chương	Mã loại khóa	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2021			Kế hoạch năm 2021 điều chỉnh giảm (-)			Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
						Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:		
						Vốn nước ngoài			Vốn nước ngoài			Vốn nước ngoài		
						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
NSTW cấp phát	NS tính vay lại	NSTW cấp phát	NS tính vay lại	NSTW cấp phát	NS tính vay lại									
1	Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường khu đô thị Núi Thành	7027013	560	311	BQL dự án ĐTXD tỉnh	114.470	114.470		-			114.470	114.470	-
2	Cải thiện môi trường đô thị Chu Lai - Núi Thành	7545199	599	311	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	200.000	180.000	20.000	-			200.000	180.000	20.000
<b>I.3</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>					<b>140.000</b>	<b>105.000</b>	<b>35.000</b>	<b>(15.000)</b>		<b>(15.000)</b>	<b>125.000</b>	<b>105.000</b>	<b>20.000</b>
<b>(1)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch</b>					<b>140.000</b>	<b>105.000</b>	<b>35.000</b>	<b>(15.000)</b>		<b>(15.000)</b>	<b>125.000</b>	<b>105.000</b>	<b>20.000</b>
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm B</b>					<b>140.000</b>	<b>105.000</b>	<b>35.000</b>	<b>(15.000)</b>		<b>(15.000)</b>	<b>125.000</b>	<b>105.000</b>	<b>20.000</b>
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	7621244	599	283	BQL dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	140.000	105.000	35.000	(15.000)		(15.000)	125.000	105.000	20.000